



hé zi

盒子

Noun · small box

Example Sentences

zhè shì yí gè hé zi
这是一个盒子。

This is a box.

zhè ge piào liang de hé zi lǐ zhuāng zhe yī méi jiè zhǐ
这个漂亮的盒子里装着一枚戒指。

This beautiful small box contains a ring.

qǐng bǎ zhè ge hé zi fàng dào chǔ cáng shì de jià zi shàng
请把这个盒子放到储藏室的架子上。

Please put this box on the shelf in the storage room.

Trace each character, then write the word on your own.

盒	盒	盒	盒	盒	盒	盒	盒	盒	盒	盒
盒	盒	盒								

子	子	子	子	子	子					

